

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-9-2017.

*“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Đức Hùng

2. Ông Từ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền-Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Phạm Thị Kiều Diễm-Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn T, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T và ông M có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T và ông Trần Văn M kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống ban đầu bình thường nhưng từ năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có lối sống, tính cách không phù hợp, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn với ông M vì tình cảm không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thị P, sinh ngày 13/9/2009. Ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị P và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Ông M và bà Phạm Thị T kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống ban đầu bình thường nhưng từ năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có lối sống, tính cách không phù hợp, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn thì ông M không đồng ý do ông M theo đạo Thiên Chúa nên không được phép ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thị P, sinh ngày 13/9/2009. Ly hôn ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị P và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành đúng quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T. Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Trần Văn M.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị P, sinh ngày 13/9/2009 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ-ST: Bà T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 07/7/2017 bà T nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Trần Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh

Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 99/2005, quyển số 02 ngày 16/12/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy bà T, ông M đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 đến nay; Vợ chồng bà T, ông M không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T xin ly hôn với ông M là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xét nguyện vọng của cháu P cũng như cháu P là con gái cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu P cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nên tạm thời ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà T phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T. Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Trần Văn M

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị P, sinh ngày 13/9/2009 cho bà Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí HNGĐ-ST: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 5473 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS H. Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (GCNKH số: 99/2005, quyển số 02 ngày 16/12/2005);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Đức